

Nghiên cứu ngôn ngữ trong khu vực học

Nguyễn Thị Việt Thanh*

Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQGHN, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Nhận ngày 27 tháng 11 năm 2009

Tóm tắt. Ngôn ngữ với tư cách là phương tiện giao tiếp, là bộ phận cấu thành của mọi cộng đồng dân cư phải là một đối tượng không thể thiếu của nghiên cứu khu vực học. Tuy vậy, ngôn ngữ lúc này không được khảo sát một cách độc lập mà trong mối quan hệ chặt chẽ với các đặc điểm về vùng lãnh thổ, điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội, dân cư của khu vực đó. Bài viết tổng quát lại những đóng góp của ngôn ngữ học từ góc độ của nghiên cứu khu vực, tại các bình diện vĩ mô (nghiên cứu chính sách ngôn ngữ, kế hoạch hóa ngôn ngữ...), đến bình diện hoạt động ngôn ngữ khi thực hiện chức năng giao tiếp của một cộng đồng cụ thể (nghiên cứu phương ngữ, cảnh huống ngôn ngữ...)

1. Với tư cách là một ngành khoa học mang tính liên ngành điển hình, Khu vực học chọn một vùng lãnh thổ làm đối tượng nghiên cứu từ nhiều góc độ: kinh tế, văn hoá, xã hội, tôn giáo, địa lý, lịch sử trong mối quan hệ tương hỗ, tác động lẫn nhau. Ngôn ngữ với tư cách là phương tiện giao tiếp, là một bộ phận cấu thành không thể thiếu của mọi cộng đồng dân cư, do vậy cũng trở thành một đối tượng không thể thiếu trong nghiên cứu Khu vực học. Nghiên cứu ngôn ngữ từ góc độ Khu vực học là một nghiên cứu mang tính liên ngành với ba nhiệm vụ cơ bản:

- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến tình hình sử dụng ngôn ngữ của khu vực đó, nghiên cứu quan hệ và tác động tương hỗ giữa ngôn ngữ với sự phát triển của xã hội như ngôn ngữ và dân tộc, chính sách ngôn ngữ, quy hoạch ngôn ngữ, kế hoạch hoá ngôn ngữ...

- Nghiên cứu nhằm miêu tả diện mạo ngôn ngữ (ở dạng tĩnh) của khu vực đó một cách toàn diện trong các bình diện, các cấp độ.

- Nghiên cứu ngôn ngữ với chức năng là công cụ giao tiếp của cộng đồng, xem xét mối quan hệ và tác động của những đặc trưng xã hội, tâm lý của người sử dụng nhằm miêu tả tình trạng hoạt động ngôn ngữ của cộng đồng sống trong khu vực đó.

2. Do tính giao động linh hoạt của bản thân khái niệm “khu vực” mà hệ các vấn đề cần đặt ra không hoàn toàn như nhau. Trong phương ngữ học, một ngành khoa học ngôn ngữ chọn khu vực hay vùng lãnh thổ được khu biệt về mặt địa lý làm đối tượng nghiên cứu, khái niệm “vùng lãnh thổ” hay “vùng địa lý” có thể biểu thị một vùng rộng lớn với những ranh giới địa lý có tính tương đối (ví dụ theo nhiều nhà nghiên cứu, ở Việt Nam có thể phân chia thành ba vùng: phương ngữ Bắc, phương ngữ Trung và phương ngữ Nam, hoặc thành năm vùng:

*ĐT: 84-4-37547120.
E-mail: thanhntv@vnu.edu.vn

Phương ngữ Bắc, phương ngữ Bắc Trung bộ, phương ngữ Trung, phương ngữ Nam Trung bộ và phương ngữ Nam), nhưng cũng có thể là những khu vực trùng với sự phân chia về hành chính. Có khá nhiều công trình nghiên cứu lấy phương ngữ của một tỉnh làm đối tượng khảo sát như nghiên cứu phương ngữ Nghệ Tĩnh (Nguyễn Nhã Bản), phương ngữ Bình Trị Thiên (Võ Xuân Trang), phương ngữ Thanh Hoá (Phạm Văn Hảo, Trương Văn Sinh) hoặc phương ngữ của một huyện, một thị trấn như phương ngữ Nghi Lộc, phương ngữ Hội An (Vương Hữu Lễ). Một số tác giả không phân định thực sự rạch ròi giữa thuật ngữ “phương ngữ” và khái niệm “tiếng” khi miêu tả đặc trưng ngôn ngữ của một số khu vực mang bản sắc điển hình như phương ngữ/tiếng Hà Nội, phương ngữ/tiếng Huế... mặc dù thực chất chúng cũng chỉ là những biến thể địa lý của một ngôn ngữ chung. Cũng có khi biến thể ngôn ngữ của một vùng lãnh thổ hẹp như một làng, một xã hay một huyện lại được gọi bằng thuật ngữ “thò ngữ”...

Theo Hoàng Thị Châu [1], sự ra đời của các phương ngữ là kết quả của hai tác động chính: tác động bên trong, từ cấu trúc ngôn ngữ do sự thay đổi trong hoạt động giao tiếp của cộng đồng, và tác động bên ngoài, do sự phát triển lịch sử của ngôn ngữ ảnh xạ lên sự phân bố về địa lý. Ngoài ra, còn do một tác động thứ ba, đó là tác động của những nhân tố xã hội như thể chế chính trị, kinh tế, văn hoá, chế độ giáo dục... Do vậy bản thân phương ngữ học mang tính liên ngành rất cao bởi cùng một lúc, nó phải tiếp cận với rất nhiều hiện tượng. Một người nghiên cứu phương ngữ học, bên cạnh các kiến thức về cấu trúc ngôn ngữ còn cần phải trang bị các kiến thức về địa lý, dân tộc, lịch sử... của vùng địa phương được khảo sát. Các kiến thức đó sẽ giúp ích rất nhiều cho việc khảo sát, nghiên cứu chính đặc điểm cấu trúc ngôn ngữ của vùng phương ngữ đó.

Đặc điểm chung trong nghiên cứu của phương ngữ học là chủ yếu tập trung miêu tả ngôn ngữ của một khu vực với hai chiều: chiều không gian và thời gian.

Chiều không gian, đó là khảo sát, mô tả diện mạo tính của vùng phương ngữ đó với những đặc điểm riêng về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp... trong sự khu biệt với ngôn ngữ toàn dân và so sánh với các vùng phương ngữ khác, tức là tập trung khảo sát những biến thể ngôn ngữ do đặc điểm địa lý quy định. Trong Việt ngữ học, những nghiên cứu về thanh điệu, về hệ thống phụ âm đầu, phụ âm cuối, phần vần hay hệ thống từ vựng đặc trưng cho từng địa phương... thuộc vào số các nghiên cứu này. Tuy nhiên, nếu xét từ góc độ ngôn ngữ toàn dân (ngôn ngữ chính thức của một quốc gia), thì có thể coi phương ngữ là một bộ phận của ngôn ngữ toàn dân. Song nếu coi khu vực khảo sát là một vùng lãnh thổ độc lập thì phương ngữ của nó phải được khảo sát như một ngôn ngữ với một hệ thống hoàn chỉnh với các yếu tố có quan hệ chặt chẽ với nhau. Ví dụ sự khu biệt giữa “chị” và “chị” chỉ có ý nghĩa khi so sánh phương ngữ Thanh Hoá với ngôn ngữ toàn dân (hoặc phương ngữ Hà Nội), song trong nội bộ phương ngữ Thanh Hoá thì không có sự khu biệt này mà chúng chỉ là các biến thể của cùng một từ.

Chiều thời gian, đó là bình diện lịch sử của những nghiên cứu phương ngữ. Do phương ngữ là tấm gương phản chiếu quá trình phát triển lịch sử của một đất nước, một dân tộc, một vùng địa lý nên những nghiên cứu phương ngữ sẽ góp phần quan trọng vào việc tìm hiểu quá trình phát triển lịch sử, dân tộc hay phát triển văn hoá của một cộng đồng. Ví dụ từ việc phát hiện ra các “đảo thò ngữ” mang đặc điểm cấu trúc rất giống nhau nhưng lại phân bố ở các vùng địa lý xa nhau, người ta có thể truy tìm lý do ở những cuộc di cư từ cùng một vùng địa phương nào đó trong những thời điểm lịch sử

khác nhau. Sự tồn tại của những biệt ngữ hay một số âm đặc biệt nào đó có thể buộc các nhà nghiên cứu không chỉ tìm lý do trong bản thân sự phát triển của cấu trúc ngôn ngữ mà bằng những hiện tượng văn hoá hoặc lịch sử bên ngoài ngôn ngữ. Đây là những đóng góp quan trọng của nghiên cứu phương ngữ trong nghiên cứu Khu vực học.

3. Trong trường hợp “khu vực” cần khảo sát là một vùng rộng lớn, ví dụ là một quốc gia (Việt nam, Thái Lan, Trung Quốc,...), việc khảo sát đặc trưng ngôn ngữ có những đòi hỏi riêng. Theo Nikolskii L.B [2] hệ các vấn đề sau cần được nghiên cứu:

- Cảnh huống ngôn ngữ: nghiên cứu hệ thống các thể trạng ngôn ngữ được phân bố về mặt chức năng dùng trong giao tiếp của đất nước (hay của cộng đồng) trong tất cả các phạm vi và trên tất cả các cấp độ.

- Chính sách ngôn ngữ: nghiên cứu vấn đề lựa chọn ngôn ngữ phục vụ các mục đích giao tiếp khác nhau, nghiên cứu quy hoạch ngôn ngữ, phát triển ngôn ngữ và kế hoạch hoá ngôn ngữ dưới tác động của các nhân tố chính trị hay chính sách của các nhà cầm quyền.

- Nghiên cứu tình trạng song ngữ hoặc đa ngữ, song thể ngữ, đa thể ngữ với những phân bố về chức năng, phạm vi sử dụng, hiện tượng giao thoa, hiện tượng ngôn ngữ lai tạp...

Đây chính là hệ các vấn đề mà ngôn ngữ xã hội học vĩ mô quan tâm và lấy làm đối tượng nghiên cứu của mình. Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu toàn diện về cảnh huống ngôn ngữ hoặc chính sách ngôn ngữ của một quốc gia nào đó (ví dụ các công trình “*Cảnh huống ngôn ngữ và chính sách ngôn ngữ Philippin*” của M.A.Makarenko, “*Chính sách ngôn ngữ ở Singapore*” của N.V. Solseva, “*Cảnh huống và chính sách ngôn ngữ ở Myanma*” của N.V.Omelianovich...).

Với một khu vực được lấy làm đối tượng nghiên cứu là Việt Nam, xuất phát từ đặc thù là

một quốc gia đa dân tộc (và do vậy là đa ngữ), theo Nguyễn Văn Khang [3], có thể thấy một số hướng nghiên cứu chính đã và đang được các nhà Việt ngữ học thực hiện, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia giải quyết các vấn đề chính trị xã hội lớn của đất nước:

- Vấn đề lựa chọn ngôn ngữ chính thức (chọn ngôn ngữ thực dân hay ngôn ngữ của dân tộc, nếu chọn ngôn ngữ dân tộc thì chọn ngôn ngữ của dân tộc nào). Quyết định lựa chọn tiếng Việt (ngôn ngữ của dân tộc Kinh), một ngôn ngữ vốn có địa vị rất thấp trong các thời kỳ đất nước bị lệ thuộc thời phong kiến và thời Pháp thuộc, làm ngôn ngữ chính thức đòi hỏi phải có những nghiên cứu thích đáng, những tác động kịp thời nhằm nâng cao địa vị, khả năng đáp ứng chức năng xã hội của nó (cải tiến chữ quốc ngữ, chuẩn hoá tiếng Việt, xây dựng hệ thống thuật ngữ, truyền bá tiếng Việt...)

- Vấn đề ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số, gắn với việc giải quyết các vấn đề dân tộc: Điều tra và nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số theo khuynh hướng chức năng xã hội, xây dựng chữ viết cho một số ngôn ngữ dân tộc, tiến hành giáo dục song ngữ (tiếng dân tộc - tiếng Việt) cho đồng bào dân tộc thiểu số... là các vấn đề nhạy cảm hiện nay, đã và đang được nhà nước và các nhà nghiên cứu quan tâm đặc biệt.

- Vấn đề giáo dục tiếng nước ngoài tại Việt Nam. Trong những đơn vị hành chính đa dân tộc như một số tỉnh biên giới Đông Bắc, Tây Bắc hoặc các tỉnh Tây Nam với nhiều ngôn ngữ khác nhau cùng tồn tại trên một địa bàn không rộng, nghiên cứu ngôn ngữ không chỉ hạn chế ở những biến thể của một ngôn ngữ chung mà còn chú ý đến miêu tả diện mạo của từng ngôn ngữ trong sự so sánh với sự tồn tại của chính ngôn ngữ đó nhưng ở vùng khác, hoặc nghiên cứu sự giao thoa, tiếp xúc giữa các ngôn ngữ trong vùng lãnh thổ đó.

Có thể kể ra nhiều công trình nghiên cứu về cảnh huống ngôn ngữ của một số khu vực, một

số dân tộc thiểu số, như nghiên cứu tình hình sử dụng ngôn ngữ của người H'mông (Nguyễn Hữu Hoàn), đời sống ngôn ngữ của người Dao (Ta Văn Thông, Nguyễn Hữu Hoàn), nhu cầu giáo dục tiếng mẹ đẻ ở một số dân tộc biên giới phía bắc (Trần Trí Dồi) [4]... Cũng đã từng có nhiều hội thảo ở cấp quốc gia đề cập và tư vấn cho lãnh đạo nhà nước những vấn đề liên quan đến xây dựng chính sách ngôn ngữ chung, chính sách ngôn ngữ cho các dân tộc thiểu số, giữ gìn và phát huy bản sắc, chức năng của tiếng Việt, mối quan hệ hữu cơ giữa phát triển ngôn ngữ và phát triển văn hoá của một dân tộc, một cộng đồng... Đây cũng có thể coi là những đóng góp rất quan trọng của nghiên cứu ngôn ngữ học trong nghiên cứu khu vực học tại Việt Nam.

Trên cơ sở những nghiên cứu từ góc độ ngôn ngữ xã hội học vĩ mô, nhiều nhà nghiên cứu đã thống nhất về một số nét chính của tình hình ngôn ngữ ở Việt Nam như sau:

- Do các lý do về lịch sử - xã hội, cư trú dân xen là đặc điểm phổ biến về sự phân bố ngôn ngữ - tộc người ở Việt Nam.

- Các ngôn ngữ nhìn tổng thể có sự phân bố rất rõ về chức năng. Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức của nhà nước, là ngôn ngữ giao tiếp chung trong toàn xã hội (còn được gọi bằng thuật ngữ "tiếng Phổ thông"). Ngôn ngữ các dân tộc là ngôn ngữ giao tiếp của từng dân tộc. Các dân tộc đều có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình. Cũng có ngôn ngữ dân tộc thực hiện chức năng của ngôn ngữ vùng.

- Đa ngữ là tình trạng ngôn ngữ phổ biến của dân cư ở các vùng dân tộc thiểu số (song ngữ Việt - ngôn ngữ dân tộc, như Việt - Dao, Việt - Tày..., hoặc đa ngữ Việt - hai hoặc hơn hai tiếng dân tộc, như Việt - Hoa - Khơ me...) với hai trạng thái: bình đẳng (vai trò của các ngôn ngữ ngang bằng nhau) hoặc không bình đẳng (vai trò của các ngôn ngữ không ngang bằng nhau).

- Do các ngôn ngữ luôn trong tình trạng tiếp xúc với nhau nên dẫn đến hiện tượng giao thoa, vay mượn các yếu tố giữa các ngôn ngữ, trong đó đặc biệt là hiện tượng du nhập của tiếng Việt (chủ yếu về mặt từ vựng) vào các ngôn ngữ dân tộc.

4. Bên cạnh những nghiên cứu về trạng thái tồn tại tĩnh của ngôn ngữ và về cảnh huống ngôn ngữ của một khu vực, nghiên cứu sự lựa chọn ngôn ngữ ở cấp độ hành vi cá nhân theo sự phân tầng xã hội cũng là một nhiệm vụ không thể thiếu trong nghiên cứu Khu vực. Mỗi khu vực, dù là một quốc gia độc lập hay một tỉnh, một huyện, một làng, đều được cấu thành bởi những con người - chủ nhân chính của các vùng lãnh thổ đó. Đây không phải là những cộng đồng thuần nhất mà một cách tự nhiên, luôn được phân thành nhóm theo những tiêu chí về tầng lớp xã hội, trình độ văn hoá, lứa tuổi, nghề nghiệp, tôn giáo, giới tính... Những sự khác biệt này đều để lại dấu ấn trong việc lựa chọn ngôn ngữ hoặc biến thể ngôn ngữ với tư cách là công cụ giao tiếp, công cụ thể hiện tư tưởng, tình cảm hoặc công cụ "có tính biểu trưng" nhằm xác định địa vị, tầng lớp xã hội của bản thân người sử dụng. Vấn đề này cũng đã và đang thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ trên thế giới. Các công trình nghiên cứu của các nhà ngôn ngữ học Trung Quốc khảo sát sự phân tầng xã hội Trung Quốc thông qua việc sử dụng các từ xưng gọi chỉ quan hệ thân thuộc và không thân thuộc, nghiên cứu của W.Labov [5] khảo sát đặc trưng phát âm của người Mỹ da đen ở New York, nghiên cứu của R.Lakoff [6] theo về sự phân biệt đối xử giới tính trong giao tiếp ngôn ngữ ... luôn được coi là những công trình tiêu biểu cho hướng nghiên cứu này.

Khác với việc miêu tả ngôn ngữ ở dạng tĩnh, việc khảo sát các hoạt động ngôn ngữ trong giao tiếp luôn phải chú ý đến việc tương tác với từng hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, chủ thể giao

tiếp (người nói) với những đặc điểm “nhân thân” riêng của mình (tầng lớp, trình độ văn hoá, giới tính...) lựa chọn các phương tiện ngôn ngữ thích hợp với những đối tượng giao tiếp (người nghe) nhằm thực hiện những mục đích phát ngôn nhất định. Mặc dù một trong những đặc trưng của ngôn ngữ xã hội học vì mô là chủ yếu tập trung khảo sát đặc điểm ngôn ngữ của các nhóm xã hội, nhóm nghề nghiệp, song việc xác định địa bàn khảo sát luôn được coi trọng. Ở Việt Nam qua các công trình của nhóm nghiên cứu của Viện Ngôn ngữ học và Lương Văn Hy [7] phần nào có thể thấy rõ điều này. Đó là những nghiên cứu về quan hệ giao tiếp giữa các thế hệ trong gia đình trung lưu ở một số quận của thành phố Hồ Chí Minh, ở Hà Nội, những mô tả và khác biệt trong sử dụng ngôn ngữ của nam và nữ, đặc trưng ngôn ngữ của trẻ em tuổi tiền học đường ở thôn Hoài Thị (Bắc Ninh), Khánh Hậu (Long An), nghiên cứu về việc sử dụng các biến thể [l] hay [n] ở thôn Bìn Sim (Bắc ninh)... Trong phần mở đầu của các công trình, các thông số về điều kiện địa lý, cơ cấu dân cư, đặc điểm dân tộc, đặc điểm kinh tế, văn hoá... của địa bàn khảo sát luôn được sử dụng làm cơ sở cho những khảo sát về giao tiếp ngôn ngữ, và sau đó, những kết quả trong khảo sát ngôn ngữ sẽ góp phần làm rõ hơn cho những đặc điểm văn hoá, đặc điểm dân cư của khu vực đó. Tuy vậy, địa bàn được chọn khảo sát trong các trường hợp này thường không lớn, chủ yếu là một làng, một xã hoặc một quận/huyện nào đó, bởi việc lựa chọn các địa bàn, khu vực rộng không cho phép thực hiện các nghiên cứu theo dạng tên.

Bên cạnh những nghiên cứu trên, địa danh cũng là một cũng là một đối tượng mà ngôn ngữ học không thể bỏ qua khi nghiên cứu một khu vực nào đó. Việc xây dựng được một bản đồ địa danh của một khu vực thường được coi là một trong những công việc quan trọng đầu tiên cần được tiến hành khi tiếp cận một khu vực nào

đó. Ngoài ra, thông qua việc tìm hiểu tên làng, tên xóm, tên những con đường, cánh đồng, gò, đồi, ao, chuôm, đình, chùa..., đặc biệt là những địa danh cổ và những truyền thuyết gắn liền với những địa danh đó, nhiều khi Kết quả khảo sát có thể trở thành những tư liệu có giá trị trong việc tìm hiểu lịch sử văn hoá, lịch sử tộc người của khu vực khảo sát.

5. Trong suốt nhiều thập kỷ, sự phát triển của ngôn ngữ học chủ yếu được đánh dấu bằng những nghiên cứu đơn ngành đi sâu khảo sát các đặc điểm về cấu trúc ngôn ngữ trong các bình diện, các cấp độ, các đơn vị với mục tiêu nghiên cứu “cho ngôn ngữ và vì ngôn ngữ”, tách biệt hoàn toàn ngôn ngữ với môi trường tồn tại thực tế của nó. Tuy vậy, cùng với sự phát triển của ngôn ngữ học, trào lưu nghiên cứu liên ngành kết hợp giữa nghiên cứu ngôn ngữ học với một ngành khoa học khác nhằm nghiên cứu ngôn ngữ trong những mối quan hệ đa diện, phong phú đang ngày càng phát triển và đạt được những thành tựu đáng kể. Ngôn ngữ học xã hội, ngôn ngữ học tâm lý, ngôn ngữ dân tộc học, ngôn ngữ học địa lý... là những bộ môn ra đời do kết quả của khuynh hướng liên ngành trên nhằm nghiên cứu các vấn đề ngôn ngữ mang tính xã hội, tính tâm lý, tính dân tộc... hoặc sự biến đổi của ngôn ngữ dưới tác động của các yếu tố đó. Đối với nghiên cứu Khu vực học, nghiên cứu ngôn ngữ giữ một vai trò đáng kể. Với ba nhiệm vụ cơ bản đối với nghiên cứu Khu vực học trên, nghiên cứu ngôn ngữ học với những chuyên ngành của nó đã và đang có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng một bức tranh tổng thể về một khu vực hoàn chỉnh với tất cả các yếu tố cấu thành chính. Tuy vậy cùng với sự phát triển của Khu vực học, nghiên cứu ngôn ngữ cũng cần có những đổi mới, phát triển cho phù hợp với tính liên ngành cao của nghiên cứu khu vực, trong mối quan hệ chặt chẽ, hữu cơ với các lĩnh vực nghiên cứu khác của Khu vực học.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Thị Châu, *Phương ngữ học tiếng Việt*, NXB ĐHQGHN, Hà Nội, 2004.
- [2] L.B. Nikolskiy, *Ngôn ngữ xã hội học tổng quát - Lý thuyết và các vấn đề*, M. Nauka, 1976 (tiếng Nga).
- [3] Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ học xã hội - Những vấn đề cơ bản*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999.
- [4] Trần Trí Dõi, *Chính sách ngôn ngữ văn hoá dân tộc ở Việt Nam*, NXB ĐHQGHN, Hà Nội, 2003.
- [5] W. Labov, *The Social Stratification of English in New York City*, DC: Center for Applied Linguistics, 1966.
- [6] W. Labov, *Language in the Inner City: Studies in the Black English Vernacular*, University of Pennsylvania Press, 1972.
- [7] Lương Văn Hy (chủ biên), *Ngôn từ, giới và nhóm xã hội từ thực tiễn tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000.

Linguistics in area studies

Nguyen Thi Viet Thanh

*Institute of Vietnamese Studies and Development Sciences,
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

Language as a medium of communication and an integral part of every community is an indispensable research object of Area Studies. However, language has not been studied independently but in close relations with geographical, economic, cultural, social and demographic features of one area. This paper is to review contributions of linguistics from Area Studies perspective in both the macro-aspect (language policy studies, language programmed...) and the aspect when language performs communicative functions of a certain community (dialect and contextual language studies...).